LỊCH HỌC THỰC HÀNH

(TUẦN: 06 - Từ ngày 25 tháng 9 đến ngày 1 tháng 10 năm 2017)

ĐƠN VỊ: TT Cơ khí

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Nhóm	SL HSSV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - phòng học														Giáo viên	Ghi chú
							Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		CN			
							Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng		
1	ĐH	K9	CLC1	1		TH. CNC													1	CD	Đặng Xuân Thao	
2	ĐH	K9	CLC1	2		TH. CNC													2	CD	Đặng Xuân Thao	
3	ĐH	K9	CLC2	1		TH. CNC											1	CNC2			Lê Quang Lâm	F
4	ĐH	K9	CLC2	2		TH. CNC											2	CNC2			Lê Quang Lâm	F
5	ĐH	K9	CK1	1		TH. CNC	1	CNC1													Lê Quang Lâm	T
6	ĐH	K9	CK1	2		TH. CNC	2	CNC1													Lê Quang Lâm	T
7	ĐH	K9	CK1	3		TH. CNC	3	CNC1													Cao Thế Anh	T
8	ĐH	K9	CK2	1		TH. CNC											1	CNC2			Cao Thế Anh	T
9	ĐH	K9	CK2	2		TH. CNC											2	CNC2			Cao Thế Anh	T
10	ĐH	K9	CK2	3		TH. CNC											3	CNC2			Lê Quang Lâm	T
11	ĐH	K9	CK3	1		TH. CNC					3	CNC2									Cao Thế Anh	T
12	ĐH	K9	CK3	2		TH. CNC					2	CNC2									Lê Quang Lâm	T
13	ĐH	K9	CK4	1		TH. CNC			1	CD											Đặng Xuân Thao	
14	ĐH	K9	CK4	2		TH. CNC			2	CD											Đặng Xuân Thao	
15	ĐH	K9	CK4	3		TH. CNC			3	CD											Đặng Xuân Thao	
16	ĐH	K9	CK4	4		TH. CNC													1	CNC1	Cao Thế Anh	T
17	ĐH	K9	CK5	1		TH. CNC									1	CD					Đặng Xuân Thao	
18	ĐH	K9	CK5	2		TH. CNC									2	CNC1					Lê Quang Lâm	T
19	ĐH	K9	CK5	3		TH. CNC									3	CNC1					Cao Thế Anh	T
20	ĐH	K9	CK5	4		TH. CNC													2	CNC1	Cao Thế Anh	T
21	ĐH	K9	CK6	1		TH. CNC								CNC2							Cao Thế Anh	T
22	ĐH	K9	CK6	2		TH. CNC								CNC2							Cao Thế Anh	T
23	ĐH	K9	CK6	3		TH. CNC							3	CNC2							Lê Quang Lâm	T
24	ĐH	K9	CK6	4		TH. CNC													3	CNC1	Lê Quang Lâm	T
25	ĐH	K9	CĐT1	1		TH. CNC			3	CNC1											Lê Quang Lâm	F

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Nhóm	SL HSSV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - phòng học														Giáo viên	Ghi chú
							Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		CN			
							Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng		
26	ĐH	K9	CĐT1	2		TH. CNC			1	CNC1											Cao Thế Anh	F
27	ĐH	K9	CĐT1	3		TH. CNC			2	CNC1											Cao Thế Anh	F
28	ĐH	K9	CĐT1	4		TH. CNC					3	CNC1									Lê Quang Lâm	F
29	ĐH	K9	CĐT2	1		TH. CNC	3	CNC1													Lê Quang Lâm	F
30	ĐH	K9	CĐT2	2		TH. CNC	1	CNC1													Cao Thế Anh	F
31	ĐH	K9	CĐT2	3		TH. CNC	2	CNC1													Cao Thế Anh	F
32	CĐ	K17	Cơ điện 3	1		TH. CNC									2	CNC2					Cao Thế Anh	T
33	CĐ	K17	Cơ điện 3	2		TH. CNC			3	CNC2											Cao Thế Anh	T
34	ĐH	K11	CĐT1	1		TH. CG1			1	T3											Trần Ngọc Tân	TT
35	ĐH	K11	CĐT1	2		TH. CG1			1	T2											Vũ Văn Khiêm	TT
36	ĐH	K11	CĐT1	3		TH. CG1			2	P1											Trần Ngọc Hiên	P
37	ĐH	K11	CĐT1	4		TH. CG1			2	BX											Đỗ Hồng Việt	P
38	ĐH	K11	CĐT2	1		TH. CG1							2	T1							Trần Trung Hiếu	TT
39	ĐH	K11	CĐT2	2		TH. CG1							1	T3							Trần Ngọc Tân	TT
40	ĐH	K11	CĐT2	3		TH. CG1							1	P2							Hoàng Vân Nam	P
41	ĐH	K11	CĐT2	4		TH. CG1							2	BX							Đỗ Hồng Việt	P
42	ĐH	K11	CĐT3	1		TH. CG1													1	P2	Vũ Văn Khiêm	TT
43	ĐH	K11	CĐT3	2		TH. CG1											1	T3			Trần Ngọc Tân	TT
44	ĐH	K11	CĐT3	3		TH. CG1											1	P2			Hoàng Vân Nam	P
45	ĐH	K11	CĐT3	4		TH. CG1											1	T3			Trần Ngọc Hiên	P
46	CĐ	K18	CTM1	1		TH. CG2	1	P1	1	P1											Trần Ngọc Hiên	P
47	CĐ	K18	CTM1	2		TH. CG2	1	BX	1	BX											Đỗ Hồng Việt	P
48	CĐ	K18	CTM1	3		TH. CG2	1	T2	3	T2											Vũ Văn Khiêm	TT
49	CĐ	K18	CTM1	4		TH. CG2	1	T3	3	T3											Trần Ngọc Tân	TT
50	CĐ	K18	CĐT1	1		TH. CG1							1	P1							Trần Ngọc Hiên	P
51	CĐ	K18	CĐT1	2		TH. CG1							2	P2							Hoàng Vân Nam	P
52	CĐ	K18	CĐT1	3		TH. CG1							1	BX							Đỗ Hồng Việt	P
53	CĐ	K18	CĐT1	4		TH. CG1													1	BX	Đỗ Hồng Việt	P
54	CĐ	K18	CĐT2	1		TH. CG1											1	T2			Vũ Văn Khiêm	TT

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Nhóm	SL HSSV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - phòng học														Giáo viên	Ghi chú
							Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		CN			
							Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng		
55	CĐ	K18	CĐT2	2		TH. CG1											2	T2			Vũ Văn Khiêm	TT
56	CĐ	K18	CĐT2	3		TH. CG1											2	T3			Trần Ngọc Tân	TT
57	CĐ	K18	CĐT2	4		TH. CG1											1	T1			Trần Trung Hiếu	TT
58	CĐN	K9	CGKL1	1		TH. PHAY	1	P2	1	P2	1	P2	3	P2	1	P2	2	P2			Hoàng Vân Nam	P
59	CĐN	K9	CGKL1	2		TH. PHAY	2	P1			1-2	P1	2	P1	1	P1	2	P1			Trần Ngọc Hiên	P
60	CĐN	K9	CGKL1	3		TH. PHAY	2	P2	3	P2	2	P2	3	P3	2	P2	2	P3			Đỗ Hồng Việt	P
61	CĐN	K9	CGKL1	4		TH. PHAY	2	P3	2	P3	2	P3	2	P3	2	P3	1	P3			Hoàng Xuân Thịnh	P
62	LET CO	K13	CẮT GỌT	1		TH.CG	1	P3	1	P3	1	P3	1	P3	1	P3					Trần Trung Hiếu	P
63	LET CO	K14	CẮT GỌT	1		TH.CG	2	T3	2	T3	2	T3	2	T3	2	T3					Trần Ngọc Tân	TT
64	LET CO	K14	CẮT GỌT	2		TH.CG	2	T2	2	T2	2	T2		T2	2	T2					Vũ Văn Khiêm	TT
65	ĐH	9	CK3	1	18	TH nguội									2	SC1					Vũ Đình Cứu	Tuần 6
66	CĐ	18	(Cơ điện 1) (CNKTCK1)	1	21	TH nguội									3	SC1					Vũ Đình Cứu	Tuần 3
67				2	21	TH nguội									2	SC2					Bùi Sơn Hải	
68				3	21	TH nguội													1	SC2	Bùi Sơn Hải	
69				4	20	TH nguội									2	SC3					Chu Anh Tuấn	
70	CĐ	18	(Cơ điện 2) (CNKTCK2)	1	24	TH nguội											1	SC1			Vũ Đình Cứu	
71				2	24	TH nguội											1	SC2			Bùi Sơn Hải	
72				3	25	TH nguội											3	SC3			Chu Anh Tuấn	
73	CĐ	18	(Cơ điện 3) (CNKTCK3)	1	21	TH nguội	3	SC1			2	SC1									Vũ Đình Cứu	T 5-6
74				2	21	TH nguội					2	SC2									Bùi Sơn Hải	T 6
75				3	21	TH nguội	3	SC3							3	SC3					Chu Anh Tuấn	T 4-5
76				4	21	TH nguội	1	SC3			3	SC3									Chu Anh Tuấn	
77	CĐ	19	Ô 5 80 SV	1	20	TH nguội	2	SC1	2	SC1	3	SC1	2	SC1			2	SC1			Vũ Đình Cứu	Thực hành trong 1 tuần
78				2	20	TH nguội	3	SC2	2	SC2	3	SC2	3	SC2			2	SC2			Bùi Sơn Hải	
79				3	20	TH nguội	2	SC2	3	SC2			2	SC2			3	SC2			Bùi Sơn Hải	
80				4	20	TH nguội	2	SC3	1	SC3			1	SC3			1.2	SC3	1	SC3	Chu Anh Tuấn	
81	NH	15	Letco	1	17	TH nguội	1	SC1	1	SC1	1	SC1	1	SC1	1	SC1					Vũ Đình Cứu	
82				2	18	TH nguội	1	SC2	1	SC2	1	SC2	1	SC2	1	SC2					Bùi Sơn Hải	
83	CĐN	9	Hàn1	1	10	Hàn ống	2	H3	1	H3							1,2	H3	2	H3	Đ.Q. Hưng	

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Nhóm	SL HSSV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - phòng học														Giáo viên	Ghi chú
							Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		CN			
							Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng		
84	CĐ-ĐH	11	CĐ-ĐH CK1 170125031 011101	1	19	Thực hành hàn 2503101													1	H2	Đặng T Hiếu	
85				2	19														2	H2	Đặng T Hiếu	
86				3	19														1	H3	Đ.Q. Hưng	
87	ĐH	9	CK1 170125031 010901	1	22	Thực hành hàn 2503101					3	H1									N.T. Giang	
88				2	22						1	H2									Đỗ Thái Phúc	
89				3	23						1	H2									Đặng T Hiếu	
90			CK4 170125031 010904	2	20	Thực hành hàn 2503101									1	H2					Đỗ Thái Phúc	
91				3	20										3	H2					Đặng T Hiếu	
92				4	20						1	H3									Đ.Q. Hưng	
93	ĐH	9	CK5	2	20	Thực hành hàn							1	H2							Đỗ Thái Phúc	
94	ĐH	9	CK6 170125031 010906	1	19	Thực hành hàn 2503101	1	H1													N.T. Giang	
95				2	19		1	H2													Đỗ Thái Phúc	
96				3	19		1	H3													Đ.Q. Hưng	
97	ĐH	9	CK7 170125031 010907	1	27	Thực hành hàn 2503101	2	H2													Đặng T Hiếu	
98				2	27		2	H2													Đỗ Thái Phúc	
99	CĐ	17	CĐ1 170125041 011701	1	21	Thực hành hàn 2504101			1	H1											N.T. Giang	
##				2	21				1	H2											Đỗ Thái Phúc	
##				3	20				2	H2											Đỗ Thái Phúc	
##	CĐ	17	CĐ2 170125041 011702	1	23	Thực hành hàn 2504101							3	H2							Đặng T Hiếu	
##				2	23								2	H2							Đỗ Thái Phúc	
##				3	23				2	H3											Đ.Q. Hưng	
##	CĐ	19	Ôtô 6	1	23	Gò - Hàn	2	H1	2,3	H1	2	H1					1,2	H1	1,2	H1	N.T. Giang	
##				2	23						2	H2			2	H2	1,2	H2	1,2	H2	Đỗ Thái Phúc	
##				3	23		1	H2	1,2	H2	2	H3					1,2	H2			Đặng T Hiếu	